TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Vũ Văn Chương;
2.Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1021/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐSXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Tuyết D, sinh năm 1993 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Hoàng Â, sinh năm 1989 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 157/3 đường H, phường 10, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết D trình bày:*

Bà và ông Lê Hoàng Â có thời gian tìm hiểu là 01 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố V vào năm 2013. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 157/3 đường H, phường 10, thành phố V, tỉnh B. Bà và ông Â có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và Lê Quỳnh V, sinh ngày 02/11/2021.

Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2022, bà và ông Â đã xảy ra xô xát, từ đó hai vợ chồng sống ly thân.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng Â.Về con chung: Bà và ông Ân có 02

con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và Lê Quỳnh V, sinh ngày 02/11/2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Â cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02-3-2023, bị đơn ông Lê Hoàng Â trình bày:

Ông và bà Đinh Thị Tuyết D có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố V vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 157/3 đường H, phường 10, thành phố V, tỉnh B. Đến khoảng năm 2019, vợ chồng có thuê phòng trọ tại địa chỉ số 54/40 đường T, phường 10, thành phố V để sinh sống. Từ đầu năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt, ông có xô xát với bà D một lần, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông nghi ngờ bà D có mối quan hệ với người đàn ông khác ở bên ngoài. Từ khoảng tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, ông ở phòng trọ còn bà D và 02 con ở nhà bố mẹ đẻ của bà D tại địa chỉ 157/3 đường H, phường 10, thành phố V, tỉnh B. Nay trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà D, ông có ý kiến như sau: về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà D. Về con chung: Ông xác định có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và Lê Quỳnh V, sinh ngày 02/11/2021. Ông đồng ý bà D là người trực tiếp nuôi 02 con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đề nghị được giải quyết vắng mặt.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông Â là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 7-2022 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Đinh Thị Tuyết D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng Â, ông Â cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Â tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, thành phố V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2013 ngày 14-6-2013 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân giữa bà và ông Â không thể kéo dài, thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Lời trình bày của bà D và ông Â phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà D và ông Â là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau và việc bà D yêu cầu ly hôn cũng được ông Â đồng ý. Vì vậy, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Về con chung: Bà Đinh Thị Tuyết D và ông Lê Hoàng Â cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và Lê Quỳnh V, sinh ngày 02/11/2021.

Ly hôn, bà D yêu cầu là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Ông Â đồng ý bà D là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Lê Quỳnh V, sinh ngày 02/11/2021 cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông Â có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở. Ông Â không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị Tuyết D phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Tuyết D đối với ông Lê Hoàng Â.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị Tuyết D được ly hôn với ông Lê Hoàng Â;

[2].Về con chung: Bà Đinh Thị Tuyết D và ông Lê Hoàng Â cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và Lê Quỳnh V,

sinh ngày 02/11/2021;

Bà Đinh Thị Tuyết D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 27/7/2018 và Lê Quỳnh V, sinh ngày 02/11/2021. Ông Â không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Â được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị Tuyết D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003516 ngày 22-11-2022 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà D đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND phường 10, thành phố V;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát